CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Công nghiệp Gốm Sứ Taicera

Ngày 30/09/2025	2,990 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.7%	**-0.3%**	**-7.4%**

DT thuần
Q3/25
224
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00| -1.3%
YoY: ▼14.0| -5.9%

LN thuần
Q3/25
-3.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.8| 83.0%
YoY: ▲ 19.0| 83.1%

LN sau thuế
Q3/25
-2.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.6| 87.7%
YoY: ▲ 17.3| 86.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.6%
YoY: +/-▲ 8.6%

ROE (TTM)
Q3/25
-17.4%
YoY: +/-▲ 4.2%

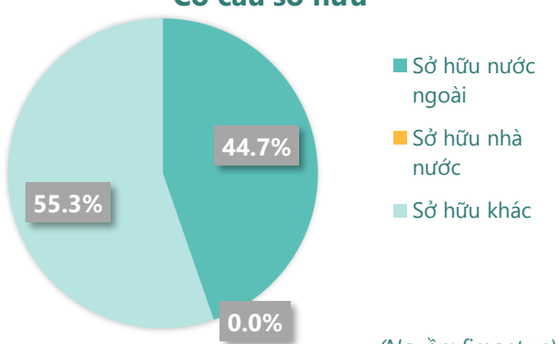
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,810 - 3,620
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
Số lượng CPLH (CP)	45,425,142
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,305
Sở hữu nước ngoài	44.7%
Beta	0.04
EPS	-1,341
P/E	-2.2

DT thuần
9T 2025
640
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0| -1.6%

LN thuần
9T 2025
-48.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.10| 4.2%

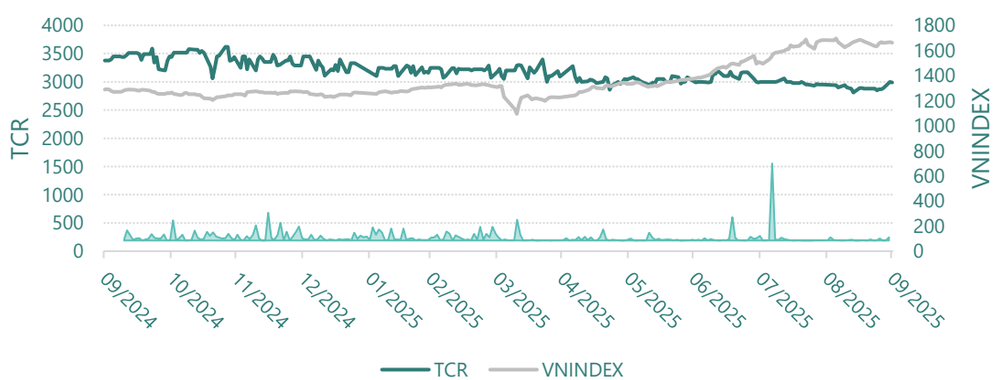
LN sau thuế
9T 2025
-45.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.20| 0.6%

Cơ cấu sở hữu

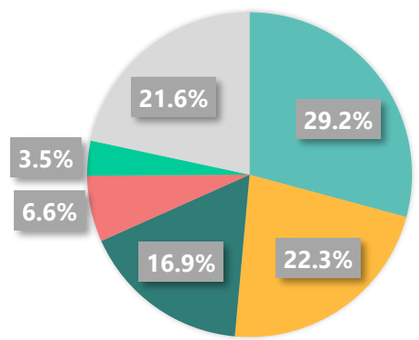


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

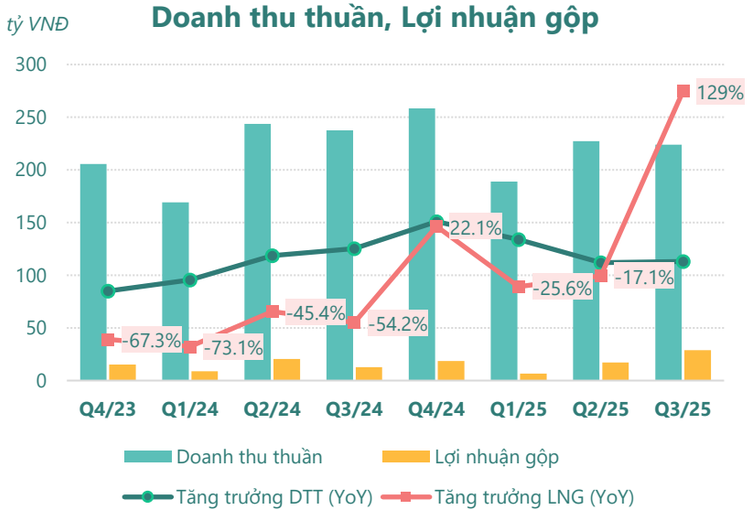


- Union Time Enterprise Ltd
- Sun Talent Limited
- Chamstar Business Corporation
- Tcrown Co., Ltd
- Chen Sin Siang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

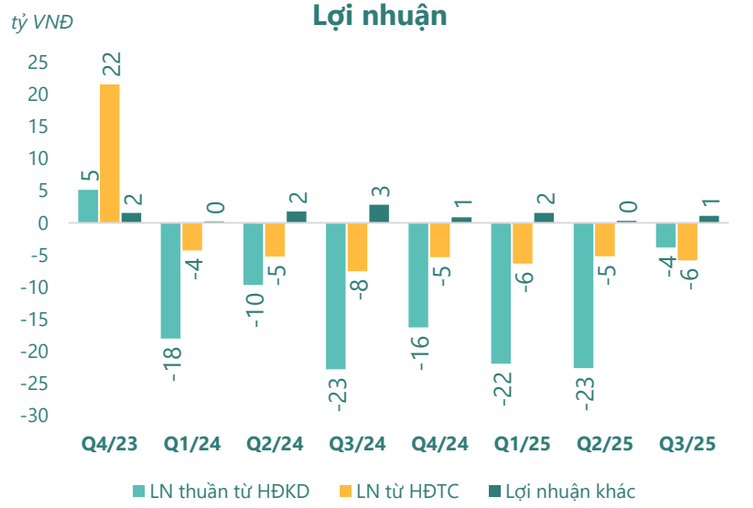
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



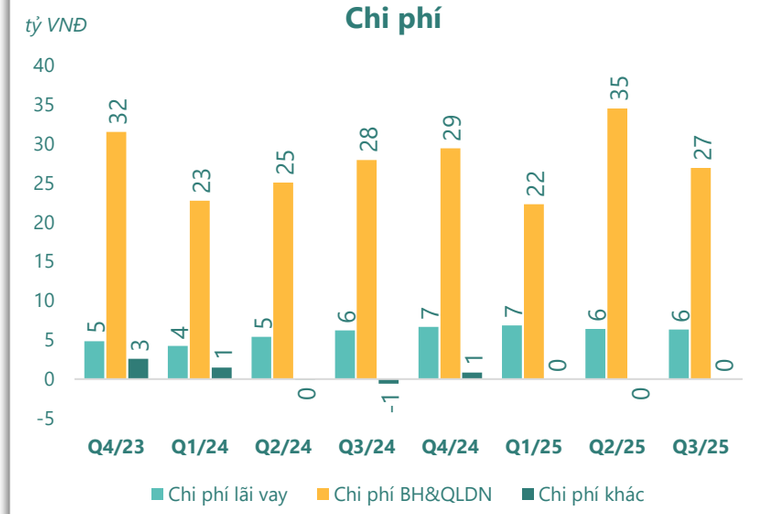
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



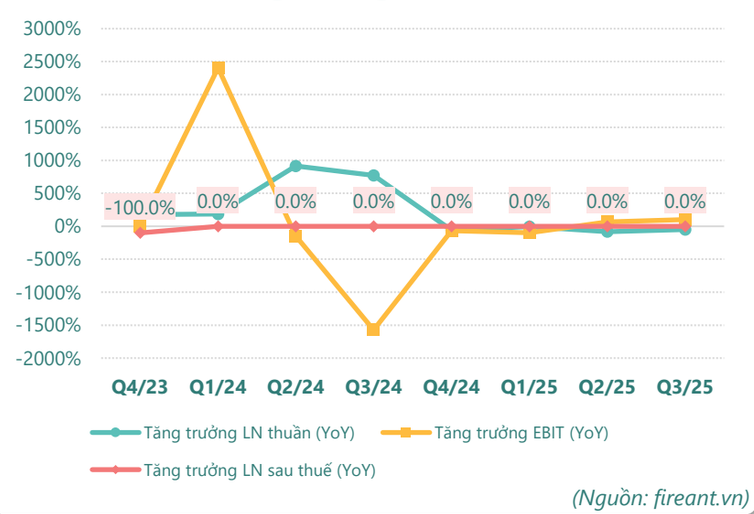
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



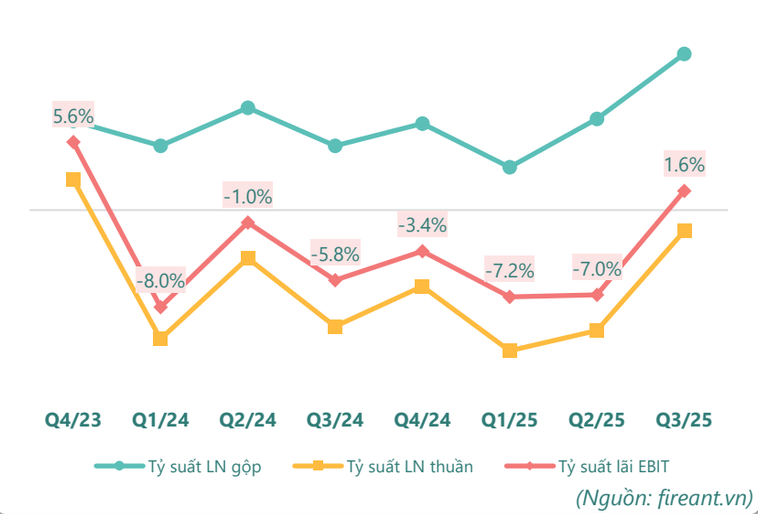
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



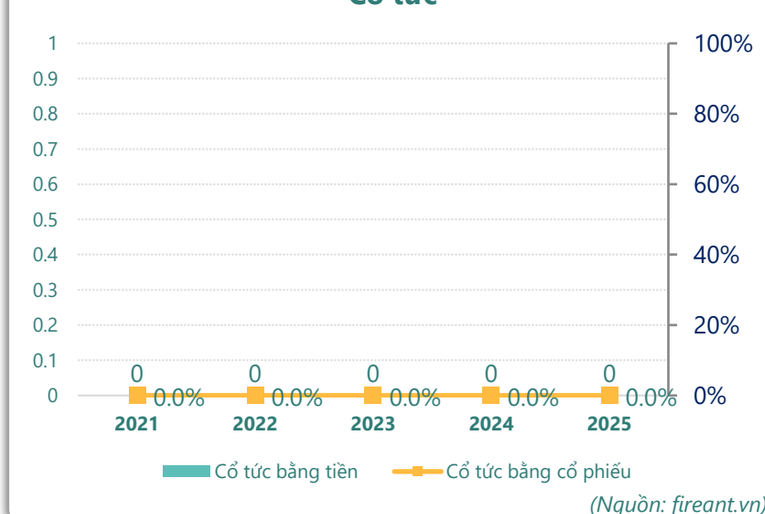
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

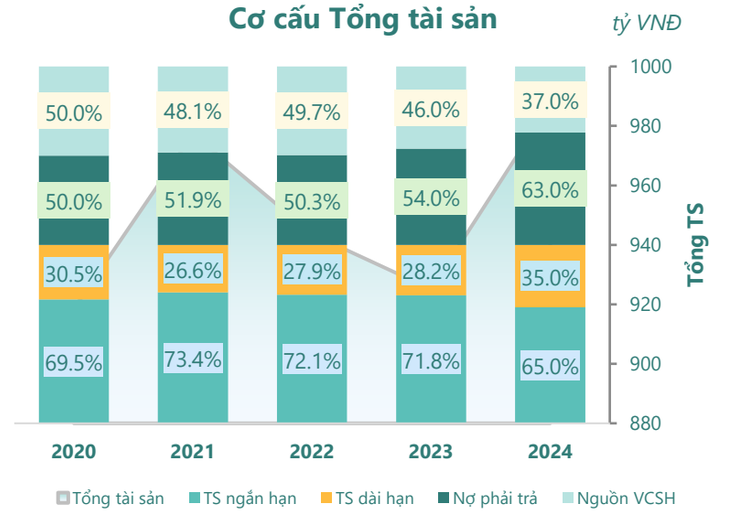
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

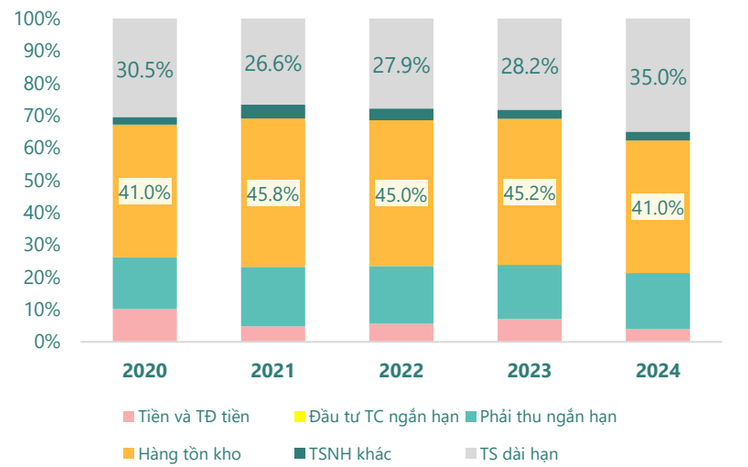
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



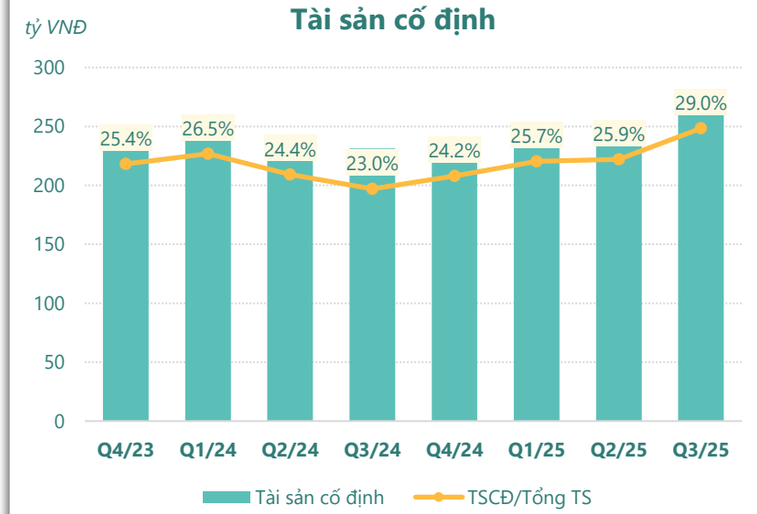
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



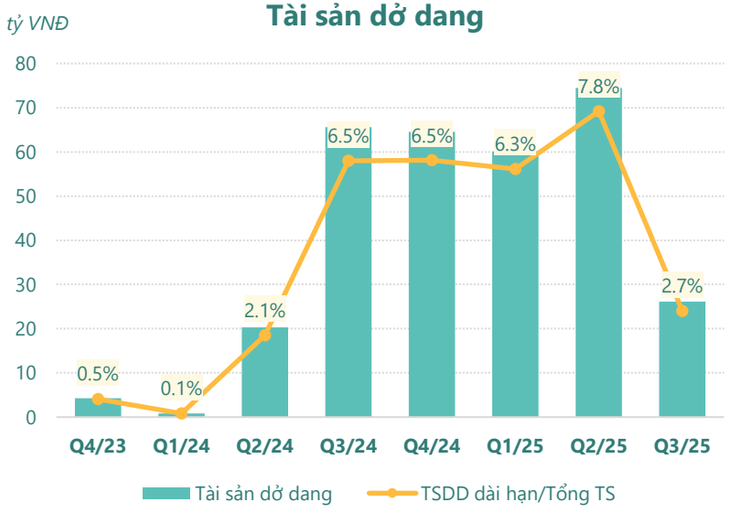
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



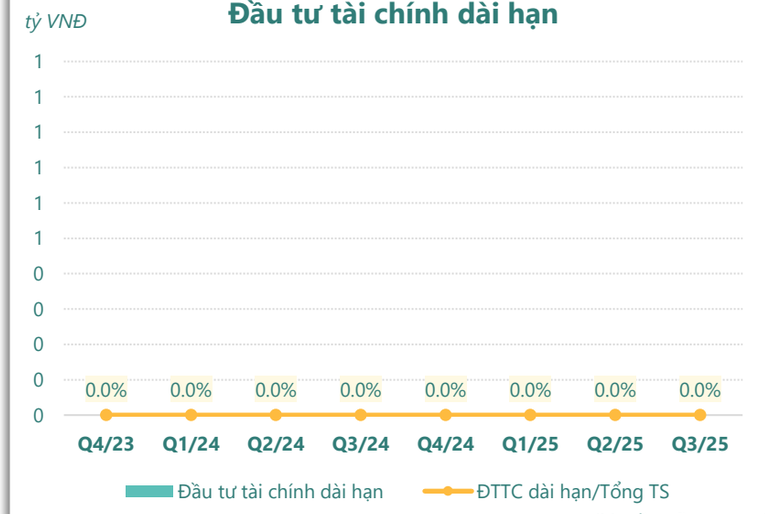
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



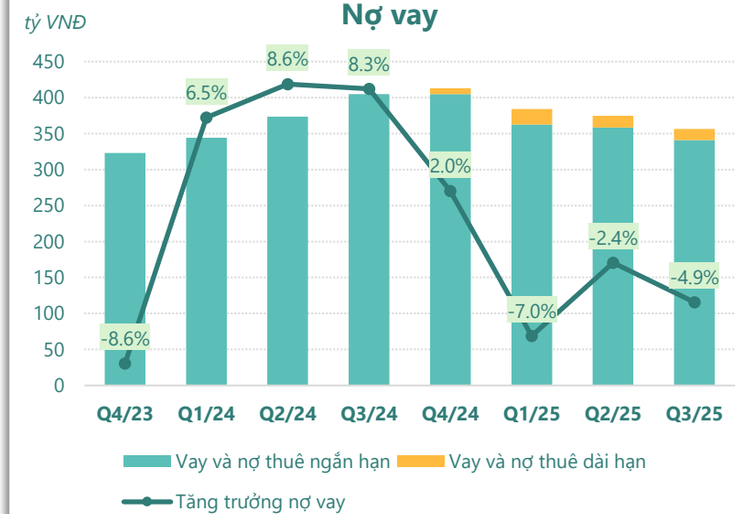
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

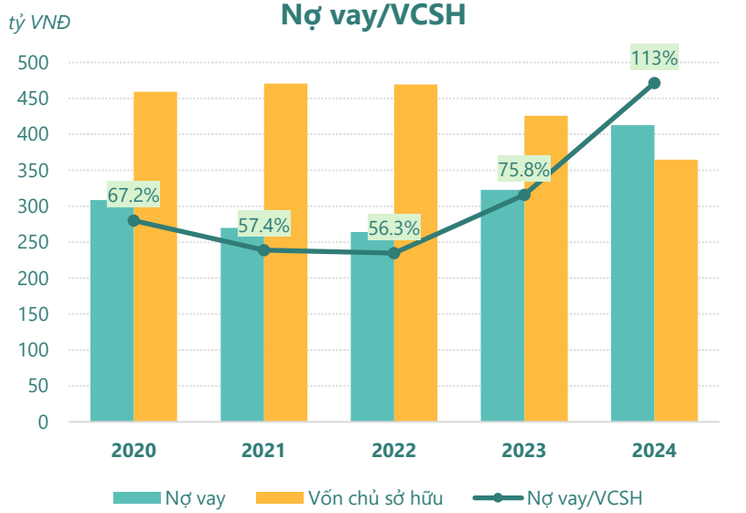
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

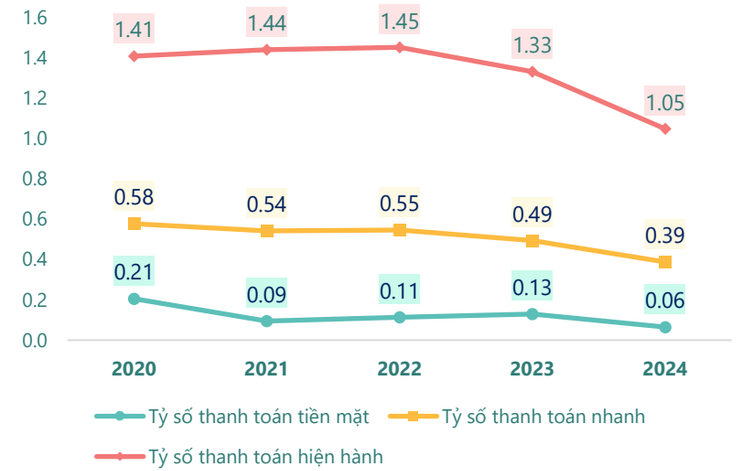
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



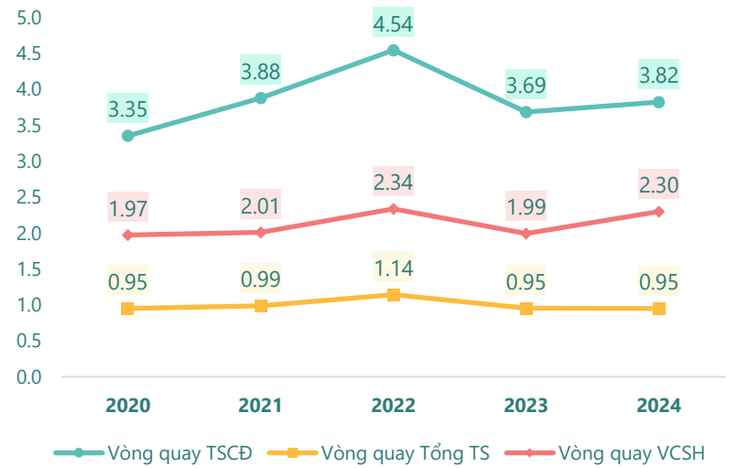
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



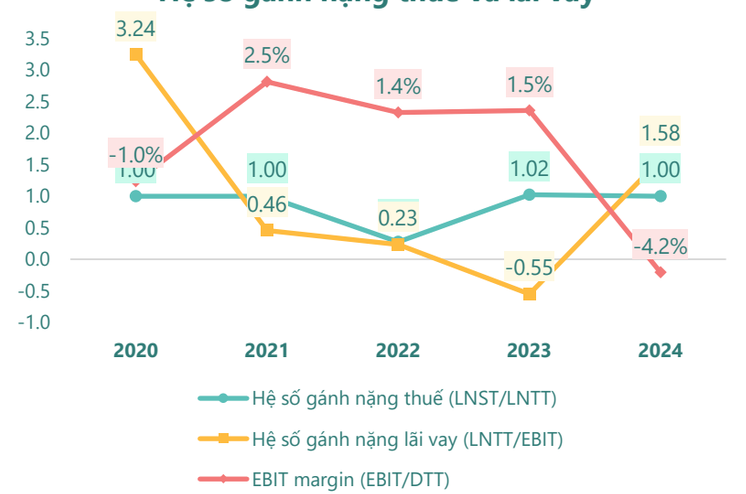
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



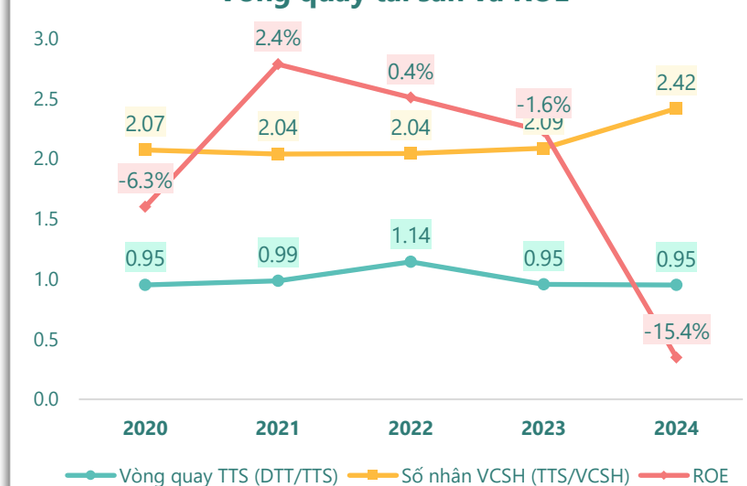
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



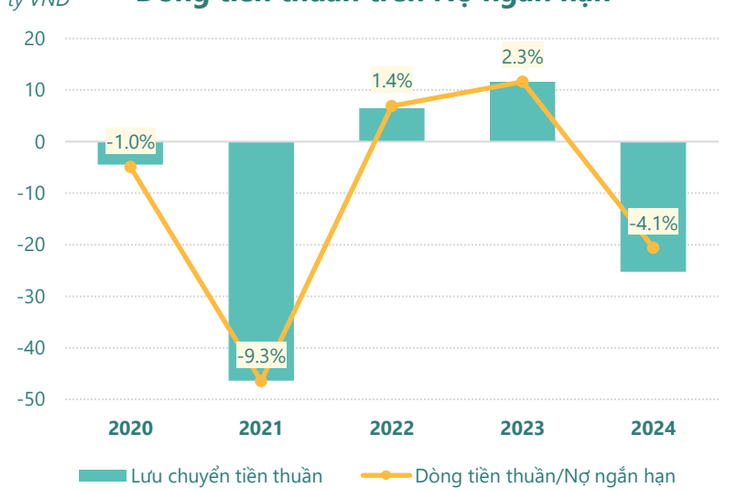
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**224**	**238**	**-5.9%**	**640**	**650**	**-1.6%**
Giá vốn hàng bán	195	225	-13.3%	587	608	-3.4%
Lợi nhuận gộp	28.9	12.6	130%	52.7	42.3	24.7%
Doanh thu HĐTC	1.20	2.22	-45.8%	6.29	6.78	-7.1%
Chi phí TC	7.04	9.73	-27.6%	23.7	23.8	-0.5%
Chi phí lãi vay	6.32	6.22	1.5%	19.6	15.8	23.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	16.0	19.4	-17.7%	48.2	49.9	-3.4%
Chi phí QLDN	**11.0**	**8.55**	**28.3%**	**35.5**	**25.8**	**37.5%**
LN thuần từ HĐKD	-3.85	-22.8	83.1%	-48.5	-50.6	4.2%
Lợi nhuận khác	**1.10**	**2.82**	**-61.0%**	**3.00**	**4.83**	**-38.0%**
LN trước thuế	-2.75	-20.0	86.3%	-45.5	-45.7	0.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.75**	**-20.0**	**86.3%**	**-45.5**	**-45.7**	**0.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.75**	**-20.0**	**86.3%**	**-45.5**	**-45.7**	**0.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.1	25.5	17.6	22.4	16.5	18.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.6	-45.8	-14.6	-8.33	-5.60	-0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	29.6	31.1	8.16	-28.7	-9.90	-17.6
Tiền đầu kỳ	28.1	18.0	28.7	39.7	25.1	26.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.1**	**10.8**	**11.2**	**-14.6**	**0.98**	**0.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	0.00	0.03	0.00	0.03	-0.03
Tiền cuối kỳ	18.0	28.7	39.9	25.1	26.2	26.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**967**	**987**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	622	642	-3.1%
Tiền và tương đương tiền	26.4	39.7	-33.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.2	0	
Phải thu ngắn hạn	141	170	-17.1%
Hàng tồn kho	402	404	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	26.4	27.3	-3.4%
Tài sản dài hạn	**345**	**345**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	1.14	39.3	-97.1%
Tài sản cố định	280	239	17.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	26.1	64.5	-59.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**37.4**	**2.03**	**1745%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	647	622	4.0%
Nợ ngắn hạn	**630**	**613**	**2.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	341	405	-15.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	230	154	49.4%
Nợ dài hạn	17.4	9.77	78.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.6	8.11	93.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**320**	**365**	**-12.3%**
Vốn chủ sở hữu	**320**	**365**	**-12.3%**
Vốn điều lệ	454	454	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)